

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/02/2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Bích Phượng, bà Lê Thị Sỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 3, thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đăng T tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Ông T hay uống rượu về nhà lớn tiếng, chửi thề, đập phá đồ đạc và nhiều lần đánh bà N. Bà N đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Đến nay bà N không còn tình cảm với ông T, không thể tiếp tục chung sống với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà N có 01 con chung là Nguyễn Đăng Tr, sinh ngày 02/4/2018. Khi ly hôn, bà N có nguyện vọng trực tiếp nhận nuôi con cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi và yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và hòa giải tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Đăng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân và con chung. Về mâu thuẫn gia đình, ông thừa nhận trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bà N hay cằn nhằn, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã lớn tiếng. Việc bà N khai ông uống rượu, đập phá đồ đạc, hăm dọa là có nhưng chỉ xảy ra một lần. Ông nhận thấy mâu thuẫn chưa đến mức ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là Nguyễn Đăng Tr, sinh ngày 02/4/2018. Nếu ly hôn ông T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà N nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Cho bà Nguyễn Thị N ly hôn với ông Nguyễn Đăng T. Giao cháu Nguyễn Đăng Tr, sinh ngày 02/4/2018 cho bà N nuôi dưỡng, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Đăng T cư trú tại thôn T, xã T, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam là đúng theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Đăng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa

án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông T là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa bà N và ông T có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Bà N xác định không còn tình cảm với ông T và kiên quyết ly hôn. Ông T thừa nhận vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã lớn tiếng; ông T có uống rượu, đập phá đồ đạc và có hành vi hăm dọa bà N. Trong quá trình giải quyết, ông T chỉ tham gia hòa giải một lần, sau đó không tham gia hòa giải và thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo, điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ hôn nhân. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà N và ông T có 01 con chung là Nguyễn Đăng Tr, sinh ngày 02/4/2018. Xét thấy, cả hai đều có nguyện vọng nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, cháu Tr còn nhỏ cần sự chăm sóc, dạy dỗ của mẹ và hiện nay cháu Tr đang sinh sống với bà N nên giao cháu Tr cho bà N nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo quyền lợi của con.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng và ông T chấp nhận mức cấp dưỡng này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các bên theo quy định tại Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản, nợ chung: Bà N và ông T khai không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng T ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng Tr, sinh ngày 04/02/2018 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành

niên đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đăng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng cho đến khi con thành niên, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010253, ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà N đã nộp đủ tiền án phí. Ông Nguyễn Đăng T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/02/2022); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành